| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN MÊ LINH**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 04/2020/QĐST-HNGĐ | *Mê Linh, ngày 06 tháng 01 năm 2020* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 360/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2019, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị N** - SN 1974.

Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn Y, xã T, huyện Mê Linh, TP Hà Nội.

- Bị đơn: Anh **Vũ Văn L** - SN 1975.

Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn Y, xã Tiền P, huyện Mê Linh, TP Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2019.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị N và anh Vũ Văn L.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Trần Thị  N và anh Vũ Văn L có 03 con chung là Vũ Thị H, sinh ngày 18/7/1998;  Vũ Văn T, sinh ngày 28/11/2000; Vũ Bảo V, sinh ngày 23/9/2010. Giao con chung là Vũ Bảo V cho anh Vũ Văn L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc khi tòa án có quyết định khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho chị N do anh L không yêu cầu. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm hỏi, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

Cháu H và cháu Th đã trưởng thành, khỏe mạnh, phát triển bình thường nên anh L và chị N không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

- Về tài sản chung, riêng, công sức, công nợ của vợ chồng: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*). Chị N tự nguyện nộp cả 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 93xx ngày 13/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh. Hoàn trả chị N số tiền 150.000 đồng đã thu tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí nêu trên.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mê Linh;
- Chi cục THADS huyện Mê Linh;
- UBND xã T, huyện Mê Linh, TP Hà Nội
(Giấy chứng nhận kết hôn số 72 ngày 05/7/1997)
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn phòng.

**THẨM PHÁN**

**Đào Ngọc S**